

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG

Bản án số: 339/2024/DS-PT

Ngày: 24/6/2024

V/v tranh chấp: "Hợp đồng góp
hụi".

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Minh Nguyệt.

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Diệp Thúy.

Ông Trương Vĩnh Hữu.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Thành - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang: Bà Nguyễn Thị Cẩm Thúy - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 24 tháng 6 năm 2024, tại Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 237/2024/TLPT-DS ngày 31 tháng 5 năm 2024 về việc tranh chấp "Hợp đồng góp hụi".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 20/2024/DS-ST ngày 06 tháng 02 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 263/2024/QĐ-PT ngày 06 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1948 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn:

2.1. Bà Huỳnh Thị N, sinh năm 1978 (có mặt);

2.2. Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1977;

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Huỳnh Thị N, sinh năm 1978 (theo Giấy ủy quyền ngày 24/6/2024 của Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang) (có mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp C, xã P, huyện C, Tiền Giang.

3. Người kháng cáo: Bị đơn Nguyễn Văn P.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:

Bà là hội viên có tham gia góp hội do bà Huỳnh Thị N và ông Nguyễn Văn P làm đầu thảo. Trong danh sách hội, bà N và ông P ghi tên bà là Cô hai Vườn Chuối, cụ thể như sau:

- Dây hội thứ 1, Hội vụ Đông xuân năm 2017, hội khai ngày 20/01/2017 (âm lịch), hội mùa, mỗi phần hội trị giá 6.000.000 đồng. Hội sống đóng 4.000.000 đồng, hội chết đóng 6.000.000 đồng. Dây hội này gồm 15 phần, Bà tham gia 02 phần. Phần 01 Bà đã hót hội và đóng hội chết xong, phần còn lại Bà đã góp được 14 kỳ thì bà N và ông P ngưng hội cho đến nay. Trong dây hội này bà N và ông P nợ bà số tiền hội là 84.000.000 đồng (6.000.000 đồng x 14 kỳ x 01 phần). Trừ tiền hoa hồng 1.000.000 đồng thì bà N và ông P còn nợ lại bà số tiền là 83.000.000 đồng.

- Dây hội thứ 2, Hội vụ Đông Xuân năm 2021, hội khai ngày 20/01/2021 (âm lịch), hội mùa, mỗi phần hội trị giá 6.000.000 đồng. Hội sống đóng 4.000.000 đồng, hội chết đóng 6.000.000 đồng. Dây hội này gồm 13 phần, Bà tham gia 01 phần. Bà đã góp được 02 kỳ, đến kỳ thứ 03 thì bà N và ông P ngưng hội cho đến nay. Trong dây hội này bà N và ông P nợ bà số tiền hội là 12.000.000 đồng (6.000.000 đồng x 02 kỳ x 01 phần).

- Dây hội thứ 3, Hội vụ Đông Xuân năm 2020, hội khai ngày 20/01/2020 (âm lịch), hội mùa, mỗi phần hội trị giá 6.000.000 đồng. Hội sống đóng 4.000.000 đồng, hội chết đóng 6.000.000 đồng. Dây hội này gồm 17 phần, Bà tham gia 01 phần. Bà đã góp được 05 kỳ, đến kỳ thứ 06 thì bà N và ông P ngưng hội cho đến nay. Trong dây hội này bà N và ông P nợ bà số tiền hội là 30.000.000 đồng (6.000.000 đồng x 05 kỳ x 01 phần).

- Dây hội thứ 4, Hội vụ mùa đông xuân 2018, hội khai ngày 20/01/2018 (âm lịch), hội mùa, mỗi phần hội trị giá 1,5 chỉ vàng 24 Kara. Hội sống đóng 01 chỉ vàng 24 Kara, hội chết đóng 1,5 chỉ vàng 24 Kara. Dây hội này gồm 17 phần, bà tham gia 01 phần. Bà đã góp được 11 kỳ, đến kỳ hội thứ 12 thì bà N và ông P ngưng hội cho đến nay. Trong dây hội này bà N và ông P nợ bà số vàng là 16,5 chỉ vàng 24 Kara (1,5 chỉ vàng 24 Kara x 11 kỳ x 01 phần).

- Dây hội thứ 5, Hội vụ mùa đông xuân 2021, hội khai ngày 20/01/2021 (âm lịch), hội mùa, mỗi phần hội trị giá 1,5 chỉ vàng 24 Kara. Hội sống đóng 01 chỉ vàng 24 Kara, hội chết đóng 1,5 chỉ vàng 24 Kara. Dây hội này gồm 13 phần, bà tham gia 01 phần. Bà đã góp được 02 kỳ, đến kỳ hội thứ 03 thì bà N và ông P ngưng hội cho đến nay. Trong dây hội này bà N và ông P nợ bà số vàng là 03 chỉ vàng 24 Kara (1,5 chỉ vàng 24 Kara x 02 kỳ x 01 phần).

Nay Bà yêu cầu bà Huỳnh Thị N và ông Nguyễn Văn P phải có nghĩa vụ liên đới trả cho Bà tổng cộng số vàng và tiền nợ hội là 125.000.000 đồng và 19,5 chỉ vàng 24 Kara. Yêu cầu trả một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Tại phiên tòa, bà H thay đổi yêu cầu khởi kiện như sau: Trong tổng số 05 dây hội trên, Bà xác định số tiền huê hồng trừ cho đầu thảo đối với hội vàng là 800.000 đồng tương đương 0,2 chỉ vàng 24 Kara, đối với hội tiền là 1.000.000 đồng nên Bà đồng ý trừ số vàng và tiền cho đầu thảo. Nay Bà yêu cầu bà N và

ông P trả cho Bà số tiền 03 dây hụi là 123.000.000 đồng và số vàng 02 dây hụi là 19,1 chỉ vàng 24 K, yêu cầu trả một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Theo bản tự khai ngày 09/11/2023, trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Huỳnh Thị N trình bày:

Bà H có tham gia các dây hụi do bà làm đầu thảo như bà H khởi kiện. Hụi vàng thì thỏa thuận hụi sống đóng 01 chỉ vàng 24 Kara, hụi chết đóng 1,5 chỉ vàng 24 Kara. Đối với hụi tiền thì hụi sống đóng 4.000.000 đồng còn hụi chết thì đóng 6.000.000 đồng. Bà thống nhất số lần hụi mà bà H đã đóng cho Bà cũng như thời gian Bà ngưng hụi như bà H trình bày là đúng. Tuy nhiên, Bà chỉ còn nợ bà H 02 dây hụi, cụ thể:

- Dây hụi vụ Đông Xuân năm 2021, hụi khai ngày 20/01/2021 (âm lịch), mỗi phần hụi trị giá 6.000.000 đồng, dây hụi gồm 13 phần, bà H tham gia 01 phần. Bà H đã góp được 02 kỳ, đến kỳ thứ 03 thì chị ngưng hụi cho đến nay. Trong dây hụi này Bà còn nợ bà H số tiền hụi là 12.000.000 đồng. Nay Bà xin trả dần mỗi mùa trả 1.000.000 đồng;

- Dây hụi vụ mùa Đông Xuân 2021, hụi khai ngày 20/01/2021 (âm lịch), hụi mùa, mỗi phần hụi trị giá 1,5 chỉ vàng 24 Kara. Hụi sống đóng 01 chỉ vàng 24Kara, hụi chết đóng 1,5 chỉ vàng 24 Kara. Dây hụi này gồm 13 phần, bà H đã góp được 02 kỳ, đến kỳ hụi thứ 03 thì Bà ngưng hụi cho đến nay. Trong dây hụi này Bà nợ bà H số vàng là 03 chỉ vàng 24 Kara. Nay Bà xin trả mỗi mùa 1.000.000 đồng.

Đối với các dây hụi còn lại mà bà H yêu cầu khởi kiện, Bà đã trả xong hết nợ với số tiền 83.000.000 đồng và 40 chỉ vàng 24 Kara có ghi biên nhận tiền ngày 07/4/2022 âm lịch nên Bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà H.

Việc Bà làm đầu thảo hụi, ông P là chồng Bà có biết, có la không cho Bà làm hụi nhưng Bà tự làm nên không liên quan đến ông P.

Theo bản tự khai ngày 04/12/2023, ông Nguyễn Văn P trình bày:

Do Ông từ trước đến nay thường xuyên đi làm thuê, ít ở nhà nên việc vợ Ông là bà N tổ chức chơi hụi, Ông hoàn toàn không biết, không có tham gia và cũng không có ý kiến gì, đồng thời Ông cũng không có sử dụng tiền chơi hụi của bà N. Nay Ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà H.

Bản án dân sự sơ thẩm số: 20/2024/DS-ST ngày 06 tháng 02 năm 2024 của Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang đã quyết định:

Căn cứ:

- Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 228, Điều 147, khoản 1 Điều 244, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 288, Điều 357, khoản 3 Điều 428; Điều 471, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Điều 27, Điều 30 và Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Khoản 2 Điều 16, Điều 18, Điều 23 và Điều 25 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hụi, biểu, phùng;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H.

1. Buộc bà Huỳnh Thị N và ông Nguyễn Văn P liên đới trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền, vàng nợ hụi là 123.000.000 đồng và 19,1 chỉ vàng 24 Kara, ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bà Nguyễn Thị H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Huỳnh Thị N và ông Nguyễn Văn P chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì còn phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và khoảng thời gian chậm thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 08 tháng 3 năm 2024, bị đơn Nguyễn Văn P kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc ông có nghĩa vụ liên đới trả nợ hụi cho bà Nguyễn Thị H.

Tại phiên tòa phúc thẩm;

Nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu khởi kiện, người đại diện theo ủy quyền của ông P vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với yêu cầu kháng cáo của, Đại viện Viện kiểm sát nhận định: Ông P cho rằng ông P không có liên quan gì đến việc bà N làm chủ hụi nhưng bà N làm chủ hụi lấy tiền đầu thảo nhằm mục đích tiêu xài trong gia đình, căn cứ Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông P, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Bị đơn Nguyễn Văn P nộp đơn kháng cáo và thực hiện thủ tục kháng cáo trong thời hạn luật định nên được xem xét, giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

Tòa án sơ thẩm xác định đúng quan hệ tranh chấp và đúng thẩm quyền giải quyết vụ án.

[2] Về nội dung xét yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn P:

Bản án sơ thẩm số 20/2024/DS-ST ngày 06/02/2024 của Tòa án nhân dân huyện C đã quyết định “*Buộc chị Huỳnh Thị N và anh Nguyễn Văn P liên đới trả*

cho bà Nguyễn Thị H số tiền, vàng nợ hụi là 123.000.000 đồng và 19,1 chỉ vàng 24 Kara, ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật”, ông P kháng cáo, không đồng ý liên đới cùng bà Huỳnh Thị N thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bà Nguyễn Thị H với lý do: Ông P đi thường đi làm thuê, việc bà N tổ chức chơi hụi thì ông không có tham gia, đây là việc riêng của bà N, đồng thời ông không sử dụng tiền chơi hụi của bà N và cũng không nhận tiền đóng hụi của ông T, bà D.

Xét thấy tại phiên tòa phúc thẩm, bà N trình bày, hiện tại giữa ông P và bà Huỳnh Thị N còn mối quan hệ hôn nhân hợp pháp. Bà N tổ chức (mở) các dây hụi từ năm 2009 đến năm 2021, trong khoảng thời gian này ông P biết và đồng ý việc làm của bà N thể hiện qua lời khai của ông P trong vụ kiện tranh chấp hợp đồng góp hụi do bà N kiện hụi viên Trần Thị Ánh T1 (Bản án sơ thẩm số 28/2023/DS-ST ngày 22/3/2023 – bút lục 52) cụ thể: “... vì vợ chồng tôi hoàn toàn không có cản trở nợ hay trả nợ thay. Còn việc bà T1 tham gia góp hụi do vợ tôi tổ chức là đúng, nay tôi có ý kiến là đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của vợ tôi”; đồng thời, tại phiên tòa sơ thẩm bà N trình bày việc bà N tổ chức hụi nhận tiền huê hồng của hụi viên là để tiêu xài gia đình (bút lục 59), nên ông P phải nghĩa vụ thực hiện trách nhiệm liên đới cùng bà N trả nợ cho bà H theo quy định tại Điều 27, Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình.

Từ đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn P, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[3] Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo của ông P không được chấp nhận nên ông P phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[4] Về ý kiến và đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 303, Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 228, Điều 147, khoản 1 Điều 244, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 288, Điều 357, khoản 3 Điều 428, Điều 471, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ Điều 27, Điều 30 và Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 2 Điều 16, Điều 18, Điều 23, Điều 25 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hụi, biêu, phường.

Căn cứ khoản 2 Điều 26, Điều 27, Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Nguyễn Văn P.

Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 20/2024/DS-ST ngày 06/02/2024 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H.

1. Buộc bà Huỳnh Thị N và ông Nguyễn Văn P liên đới trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền, vàng nợ hui là 123.000.000đồng và 19,1 chỉ vàng 24 Kara, thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bà Nguyễn Thị H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Huỳnh Thị N và ông Nguyễn Văn P chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì còn phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí:

Bà Huỳnh Thị N và ông Nguyễn Văn P phải chịu 12.071.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Nguyễn Văn P chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm số 0002399 ngày 08/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang; ông P đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện C;
- CC THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đỗ Thị Minh Nguyệt